

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-ST

Ngày 16/6/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Nguyễn Văn Mẫn**

2- Ông **Lê Hoàng Vũ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 47/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đặng Văn T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp M, xã MT, huyện U, tỉnh KG.

2. Bị đơn: Vợ chồng anh **Nguyễn Hoàng V**, sinh năm 1994 và chị **Nguyễn Thị Mỹ N**, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: Ấp MA, xã MT, huyện U, tỉnh KG.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2021 và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh **Đặng Văn T** trình bày và yêu cầu như sau:*

Vào ngày 04 tháng 10 năm 2020, anh có thỏa thuận mua Gừng giống của vợ chồng anh **Nguyễn Hoàng V**, chị **Nguyễn Thị Mỹ N** với giá 19.000đ/kg. Theo đó vợ chồng anh **V**, chị **N** thỏa thuận sẽ bán cho anh số lượng 60 tấn Gừng, tương ứng với số tiền là 1.140.000.000đ (Một tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng) và anh đã giao tiền

cọc cho anh V, chị N 03 lần với tổng số tiền là 1.135.000.000đ (Một tỷ một trăm ba mươi lăm triệu đồng). Trong quá trình thực hiện vợ chồng anh V, chị N chỉ giao cho anh được số Gừng hơn 42,5 tấn tương ứng với số tiền 810.000.000đ (Tám trăm mười triệu đồng), số Gừng còn lại anh V, chị N không có để giao và hẹn với anh trong thời gian từ ngày 23/01/2021 đến ngày 13/02/2021 sẽ hoàn trả cho anh số tiền còn lại là 325.000.000đ (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng) tương ứng với số Gừng chưa giao cho anh. Nhưng đến nay anh V, chị N không trả lại số tiền trên cho anh theo như lời hứa. Nay anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh V, chị N trả lại cho anh số tiền 325.000.000đ nêu trên.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng V và chị Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:

Anh, chị thừa nhận có thỏa thuận bán Gừng giống cho anh Đặng Văn T với số lượng là 60 tấn tương ứng với số tiền là 1.140.000.000đ (Một tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng), giá 19.000đ/kg. Vợ chồng anh, chị nhận tiền cọc của anh T 03 lần với tổng số tiền là 1.135.000.000đ (Một tỷ một trăm ba mươi lăm triệu đồng). Sau đó vợ chồng anh, chị có giao Gừng giống cho anh T được 42,5 tấn tương ứng với số tiền 810.000.000đ (Tám trăm mười triệu đồng). Do Gừng giống anh, chị mua lại của người khác bị thất và chất lượng không tốt nên anh, chị không thể giao Gừng cho anh T theo thỏa thuận. Vợ chồng anh, chị thừa nhận còn nợ anh T số tiền mà trước đây anh T trả trước cho vợ chồng anh, chị là 325.000.000đ (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng). Hai bên có làm biên nhận nợ chốt nợ với nhau nhưng do điều kiện kinh tế gia đình gặp khó khăn nên vợ chồng anh, chị chưa trả lại số tiền trên cho anh T theo như lời hứa. Vợ chồng anh, chị đề nghị được trả lại số tiền 325.000.000đ (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng) cho anh T vào cuối năm nay (tính theo năm âm lịch).

Tại phiên tòa: Các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

Anh T yêu cầu giải quyết buộc anh V, chị N trả lại cho anh số tiền 325.000.000đ trên trong thời hạn là 03 tháng, không yêu cầu tính lãi chậm trả

Anh V, chị N đồng ý trả số tiền trên cho anh T nhưng về thời gian thanh toán thì anh, chị đề nghị là mỗi năm trả 50.000.000đ cho đến khi trả nợ xong.

Anh T không đồng ý thời gian trả nợ mà vợ chồng anh V, chị N đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều

39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của anh T với vợ chồng anh V, chị N là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, cụ thể là mua bán Gừng giống được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh V, chị N trả lại cho anh T số tiền 325.000.000đ (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời thừa nhận của vợ chồng anh V, chị N có đủ căn cứ để xác định ngày 04 tháng 10 năm 2020 anh T có thỏa thuận mua Gừng giống của vợ chồng anh V, chị N, số lượng 60 tấn, giá 19.000đ/kg tương ứng với số tiền là 1.140.000.000đ (Một tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng). Anh T trả cho anh V, chị N 03 lần với tổng số tiền là 1.135.000.000đ (Một tỷ một trăm ba mươi lăm triệu đồng). Vợ chồng anh V, chị N chỉ giao cho anh T được số Gừng hơn 42,5 tấn tương ứng với số tiền 810.000.000đ (Tám trăm mười triệu đồng), số Gừng giống còn lại anh V, chị N không có để giao và hẹn với anh T trong thời gian từ ngày 23/01/2021 đến ngày 13/02/2021 sẽ hoàn trả cho anh T số tiền còn lại là 325.000.000đ (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng) nhưng đến nay không thực hiện.

Về trách nhiệm thanh toán, các đương sự đã thống nhất xác định nghĩa vụ mà anh V, chị N phải có trách nhiệm thực hiện với số tiền là 325.000.000đ nhưng về thời gian thanh toán các bên không thỏa thuận được. Anh T yêu cầu thanh toán số tiền này trong thời hạn 03 tháng còn vợ chồng anh V, chị N đề nghị thanh toán mỗi năm là 50.000.000đ.

Do các đương sự không tự thỏa thuận được về thời gian thanh toán số tiền nên HĐXX không thể công nhận sự thỏa thuận của các bên, đồng thời cũng không thể buộc anh V, chị N trả cho anh T số tiền theo thời gian mà anh T yêu cầu, cũng như là không chấp nhận theo ý kiến của anh V, chị N là thanh toán số tiền cho anh T theo hàng năm, mỗi năm là 50.000.000đ.

Bởi theo quy định của pháp luật hiện hành thì nếu như các bên đã thống nhất xác định được số lượng nợ với nhau mà không thỏa thuận được thời gian thanh toán thì Tòa án chỉ giải quyết buộc người nào phải trả cho người khác tiền hay hiện vật khác số lượng là bao nhiêu chứ không thể buộc trả vào thời điểm nào.

Vì vậy, HĐXX ghi nhận ý kiến của các bên đề buộc vợ chồng anh chị V, chị N phải trả cho anh T số tiền 325.000.000đ, khi nào bản án có hiệu lực pháp luật thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng anh V, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $325.000.000đ \times 5\% = 16.250.000đ$ (Mười sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Đặng Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.125.000đ (Tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000699 ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 356 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26, 39, 92, 147, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn T với vợ chồng anh Nguyễn Hoàng V, chị Nguyễn Thị Mỹ N về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (Gừng giống).

2. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Hoàng V và chị Nguyễn Thị Mỹ N trả cho anh Đặng Văn T số tiền 325.000.000đ (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng anh Nguyễn Hoàng V, chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.250.000đ (Mười sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Đặng Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.125.000đ (Tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000699 ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều có mặt; báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/6/2021).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện cùng cấp;
- THADS huyện cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh